

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 882./QĐ-XMST

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm:
Gói mua sắm: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt
hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng**

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc phê duyệt Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa và dịch vụ Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao;

Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao;

Căn cứ Phương án kỹ thuật số 129/PA-KT ngày 25/5/2026 vv lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng, đã được Tổng giám đốc Công ty duyệt;

Căn cứ Quyết định 813/QĐ-XMST ngày 02/7/2026 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao V/v phê duyệt dự toán: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-XMST ngày 06/7/2026 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng;

Căn cứ Thông báo mời chào giá số 1267/XMST-KHCL ngày 08/7/2026 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao về việc mời chào giá gói mua sắm: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng;

Xét Báo cáo đánh giá ngày 24/7/2026 của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà cung cấp Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao về việc đánh giá thư chào giá: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng;

Xét đề nghị của Phó tổng giám đốc Công ty tại tờ trình số 226/TTr-KHCL ngày 27/7/2026 V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mịn sau nghiền xi măng với các nội dung như sau:



1) Nhà cung cấp được lựa chọn: **Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp TKN.**

2) Giá trị cung cấp hàng hoá: **4.845.567.960 đồng.**

Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm bốn mươi năm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi đồng./.

Biểu đơn giá chi tiết:

TT	Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
I	Khảo sát, thiết kế thi công		TKN	Gói	1	155.433.000	155.433.000
II	Thiết bị cơ công nghệ			Hệ thống	1		2.677.529.000
1	Bộ chia máng khí động 1 nhánh ra 2 nhánh	Năng suất: $Q \geq 190$ t/h	TKN	Bộ	1	139.213.000	139.213.000
2	Máng khí động số 1 400x400 (trích từ máng khí động xi măng 25.02 MKD400)	Năng suất: $Q \geq 190$ t/h, $L \sim 17m$	TKN	Bộ	1	171.989.000	171.989.000
3	Quạt đẩy (cho máng khí động)	Lưu lượng: 2000 m ³ /h Cột áp: 4500 Pa Công suất động cơ: $\geq 3kW$	Việt Nam	Hệ	1	23.042.000	23.042.000
4	Máy trộn xi	Công suất: $Q \geq 240$ t/h	TKN	Bộ	1	931.610.000	931.610.000
4.1	Động cơ, HGT	Công suất 55kW, tốc độ trụ ra hộp giảm tốc ~ 80 vòng/phút	Trung Quốc	Bộ	1		
4.2	Khớp nối xích	Tiêu chuẩn	Trung Quốc	Bộ	1		
4.3	Trục khuấy, cánh đảo	SS400	TKN	Bộ	2		
4.4	Máng chứa	SS400	TKN	Bộ	1		
4.5	Vòng bi	Tiêu chuẩn	NSK/ FAG/ KOY O	Bộ	4		
4.6	Khung đỡ máy máy trộn, sàn thao tác	SS400	TKN	Bộ	1		

TT	Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
5	Băng tải vận chuyển xi măng kín bụi	BW1000x~13.5m, Q≥240t/h Có mái che băng tải	TKN	Bộ	1	496.138.000	496.138.000
5.1	Động cơ liên HGT, có phanh	Công suất 7.5kw	Trung Quốc	Bộ	1		
5.2	Gạt sạch băng sơ cấp	BW1000	TKN	Bộ	1		
5.3	Gạt sạch băng kiểu V	BW1000	TKN	Bộ	1		
5.4	Dây Băng tải	B1000, EP200/2	TQ/VN	mét	30		
5.5	Bộ giá đỡ & con lăn tải	D108x380	TKN	Bộ	27		
5.6	Bộ giá đỡ & con lăn hồi	D108x1150	TKN	Bộ	4		
5.7	Bộ giá đỡ & con lăn chống lệch	D76x160	TKN	Bộ	8		
5.8	Tang chủ động bao gồm cả vòng bi	D347/323x1150	TKN	Bộ	1		
5.9	Tang bị động bao gồm vòng bi	D347/323x1150	TKN	Bộ	1		
5.10	Máng nhận liệu kèm rèm che kín bụi	SS400 + cao su	TKN	Bộ	1		
5.11	Phễu đổ liệu	SS400	TKN	Bộ	1		
5.12	Kết cấu khung băng, chân băng tải	SS400	TKN	Bộ	1		
5.13	Sàn thao tác băng tải	SS400	TKN	Gói	1		
5.14	Bu lông & đệm các loại	Mạ kẽm	TKN	Bộ	1		
6	Van tay 400x400	Năng suất: Q≥50 t/h Kích thước 400x400	TKN	Bộ	1	13.102.000	13.102.000
7	Van đóng mở bằng xi lanh	Năng suất: Q≥50 t/h	TKN	Bộ	1	43.072.000	43.072.000

0027
CÔNG
CỐ PH
KIM M
VICH
ÔNG T
4 PH

TT	Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
8	Van điều tiết lưu lượng, đóng mở %	Năng suất: $Q \geq 50$ t/h	TKN	Bộ	1	97.892.000	97.892.000
9	Máng khí động số 2 (trích từ máng khí động xi măng 25.02 MKD400)	Năng suất: $Q \geq 50$ t/h, $L \sim 1.3$ m	TKN	Bộ	1	11.837.000	11.837.000
10	Quạt sục máng khí động	Lưu lượng 10 m ³ /phút, Cột áp 53.9 kPa;	TKN	Bộ	1	90.361.000	90.361.000
11	Vít tải vận chuyển	Năng suất: $Q = 50$ t/h, chiều dài ~ 7.5 m	TKN	Bộ	1	112.952.000	112.952.000
12	Vay quay kín khí kèm khớp nối mềm	Năng suất: $Q = 50$ t/h	TKN	Bộ	1	84.042.000	84.042.000
13	Cân định lượng vít tải	Năng suất: 50 t/h Sai số: $\pm 2\%$	TKN	Bộ	1	175.730.000	175.730.000
14	Đường ống hút bụi, giá ống, damper	D219, vật liệu SS400, Van tay	TKN	Bộ	1	47.022.000	47.022.000
15	Vận chuyển, lắp đặt thiết bị công nghệ		TKN	Gói	1	239.527.000	239.527.000
III	Chi phí cung cấp và lắp đặt kết cấu xây dựng, sàn thao tác			Hệ thống	1		393.880.000
1	Sàn thao tác đáy silo	SS400	TKN	Gói	1	83.628.000	83.628.000
2	Sàn thao tác máng khí động	SS400	TKN	Gói	1	114.552.000	114.552.000
3	Sàn thao tác vít tải	SS400	TKN	Gói	1	45.360.000	45.360.000
4	Lắp đặt sàn thao tác	SS400	TKN	Gói	1	81.180.000	81.180.000
5	Mái che máy trộn, vít tải, máng khí động	SS400	TKN	Gói	1	39.040.000	39.040.000

TT	Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
6	Móng xây dựng máy trộn, móng máng khí động, nền	Bê tông mác 250 Bao gồm cả nhân công: Cắt bê tông nền cũ, đào đất, ván khuôn, san lấp, hồ đất khỏi công trường, hoàn trả mặt bằng	TKN	gói	1	30.120.000	30.120.000
IV	Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện			Hệ thống	1		1.259.795.000
1	Tủ điện tổng	" + Điện áp sử dụng 380V-50Hz - 3 pha + Tủ điện trong trạm gồm 3 module tủ ghép nối với nhau, sơn tĩnh điện, điều khiển các thiết bị cơ công nghệ. + Sử dụng thiết bị đóng cắt LS-Hàn Quốc, biến tần INVT-Trung Quốc. + PLC và các Module mở rộng Siemens điều khiển các tín hiệu vào/ra. + Giao diện điều khiển hiển thị trên màn hình Siemens 7 inch."	TKN	Bộ	1	379.449.000	379.449.000
2	Tủ hiện trường điều khiển thiết bị hệ trộn xi	" + Tủ phân tán thu thập dữ liệu cân 2 lớp cánh kín bụi. + Sử dụng module phân tán và các module mở rộng vào ra ET200SP của Siemens. + Điều khiển các tín hiệu nút nhấn, cảm biến của van điều tiết lưu lượng, van quay, cân vít tải, máy trộn, băng tải, vít tải vận chuyển, quạt đẩy. + Giao diện điều khiển hiển thị trên màn hình Kinco 7 inch, kết nối truyền dữ liệu với thiết bị ngoại vi theo chuẩn Modbus TCP/IP (Có sẵn cổng Fiber convert TX-RX). + Kết nối với tủ điện tổng bằng cáp quang."	TKN	Bộ	2	60.647.000	121.294.000

908
TY
AN
NG
M
HAO
THO

TT	Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
3	Tủ chờ (hệ xuất xi) điều khiển tại chỗ	+ Tủ điện điều khiển đóng mở van điều tiết, đầu xả rời.	TKN	Bộ	1	36.665.000	36.665.000
4	Thiết bị cảm biến an toàn và liên động công nghệ						
4.1	Công tắc gạt dây		Trung Quốc	Bộ	4	3.000.000	12.000.000
4.2	Công tắc lệch băng		Trung Quốc	Bộ	4	4.366.000	17.464.000
4.3	Cảm biến quay	XSAV1108	Schneider	Bộ	4	6.828.000	27.312.000
4.4	Cảm biến tốc độ (van quay, van điều tiết, cân vít)	E50S8-2500-24-3-T	Autonic	Bộ	3	4.707.000	14.121.000
4.5	Cảm biến tiệm cận	PR30-15-DO	Autonic	Bộ	4	1.183.000	4.732.000
4.6	Load cell 200Kg	HSX-200kg	Keli	Bộ	3	7.347.000	22.041.000
4.7	Van từ, van tay các loại		Trung Quốc	Gói	1	10.803.000	10.803.000
4.8	Cảm biến báo đầy		Trung Quốc	Bộ	1	4.707.000	4.707.000
5	Phân dây cáp điện						
5.1	Cáp nguồn tổng 3x70+1x35mm2	XLPE/ PVC/Cu 3x70+1x35mm2 XLPE/ PVC/Cu 3x35+1x25mm2 XLPE/ PVC/Cu 3x6+1x4mm2 XLPE/ PVC/Cu 3x4+1x2.5 mm2 XLPE/ PVC/Cu 4x2.5 mm2 PVC/Cu 3x1.5mm2	Cadison/LS hoặc tương đương	Lô	1	194.476.000	194.476.000
5.2	Cáp điều 2x1.0 mm2	Cáp điều 2x1.0 mm2 Cáp điều khiển 4x0.5 bọc lưới Cáp điều khiển 2x1.0 bọc lưới Cáp điều khiển 10x1.0 bọc lưới Cáp điều khiển 20x1.0 bọc lưới	Altek cable	Lô	1	34.795.000	34.795.000

TT	Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
5.3	Cáp quang 4FO		Việt Nam	Lô	1	2.100.000	2.100.000
5.4	Ổng kẽm và phụ kiện		VN	gói	1	22.590.000	22.590.000
5.5	Thang cáp 250x100 dày 1.5mm sơn tĩnh điện		VN	gói	1	12.990.000	12.990.000
6	Thi công đấu nối và kết nối hệ thống						
6.1	Tính toán, thiết kế hệ thống điện, lập trình hệ thống.		TKN	gói	1	151.471.000	151.471.000
6.2	Thi công kéo dây đấu nối lắp đặt thang cáp điện		TKN	gói	1	139.578.000	139.578.000
6.3	Lập trình giao diện, kết nối CCR		TKN	gói	1	51.207.000	51.207.000
	Tổng tiền chưa thuế VAT						4.486.637.000
	<i>Thuế VAT 8%</i>						<i>358.930.960</i>
	Tổng tiền sau thuế						4.845.567.960

- Giá trị nêu trên là giá trị trọn gói đã bao gồm: Chi phí khảo sát hiện trạng thiết bị tại hiện trường lập phương án kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, chế tạo, chi phí cung cấp thiết bị, chi phí vận chuyển bốc xếp, tháo dỡ thiết bị, lắp đặt thiết bị, chi phí vận hành chạy thử, chi phí dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, các loại thuế phí và tất cả các chi phí khác liên quan đến việc lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mìn sau nghiền xi măng tại nhà máy xi măng Vicem Sông Thao.

- Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm xuất hóa đơn nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh mà không cần phải lập phụ lục hợp đồng.

3) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

4) Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày Hai bên ký hợp đồng đến khi hoàn thành công tác chạy thử không tải.

Điều 2. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thiết bị lắp đặt hệ thống pha tro bay, xử mìn sau nghiền xi măng được duyệt là cơ sở để hoàn thiện, ký kết hợp đồng kinh tế theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông: Phó tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị: TCKT, KHCL, KT, Tổ Chuyên gia lựa chọn nhà cung cấp và các đơn vị có liên quan của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Huy